

NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN TẠI CHI NHÁNH MAY VIỆT ĐỨC - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI TNG

Nguyễn Thu Thủy*, Vũ Việt Linh, Nguyễn Thị Hiếu
 Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Vốn là yếu tố quan trọng quyết định đến năng lực sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và xác lập vị thế của doanh nghiệp trên thương trường. Điều này càng thể hiện rõ trong nền kinh tế hiện nay với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, các doanh nghiệp phải không ngừng đầu tư hiện đại hóa công nghệ, sử dụng hiệu quả nguồn vốn của mình... Trong bài viết này, tác giả nghiên cứu, phân tích hiệu quả sử dụng vốn của Chi nhánh may Việt Đức, tìm ra những ưu nhược điểm trong hoạt động này, từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp đối với doanh nghiệp.

Từ khóa: Chi nhánh may Việt Đức, sản xuất kinh doanh (SXKD), nguồn vốn.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chi nhánh may Việt Đức là một trong những chi nhánh đầu tiên của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG chuyên sản xuất hàng may mặc xuất khẩu: áo khoác, áo dạ, quần thò... Trong những năm qua Chi nhánh luôn nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm bằng việc đầu tư máy móc dây chuyền hiện đại, đào tạo tay nghề cho người lao động... nhờ đó quy mô, nguồn vốn không ngừng mở rộng. Giai đoạn 2012 – 2014, nền kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi do vậy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Chi nhánh cũng có nhiều biến động.

Qua các số liệu trên ta thấy, hoạt động sản xuất kinh doanh của chi nhánh trong năm 2013 có nhiều giảm sút, song đã có những chuyển biến rõ rệt trong năm 2014. Trong giai đoạn tiếp theo, chi nhánh cần đề ra phương hướng, kế hoạch hoạt động cụ thể, tận dụng các lợi thế để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong toàn chi nhánh. Để làm được điều này, Chi nhánh cần sử dụng hiệu quả nguồn vốn của mình trong việc mua sắm tài sản, nguyên vật liệu cũng như sử dụng lao động hiệu quả. Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy việc sử dụng vốn

của Chi nhánh còn nhiều nhiều hạn chế như: tỷ suất lợi nhuận lợi nhuận tăng chậm, hệ số sinh lời của tài sản cố định biến động thất thường... ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh, khả năng cạnh tranh của Chi nhánh. Vậy việc sử dụng nguồn vốn của Chi nhánh hiện nay ra sao? Hiệu quả đến đâu? Những giải pháp nào giúp nâng cao khả năng sử dụng vốn cho Chi nhánh?

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp thu thập, xử lý và phân tích số liệu

Nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu thứ cấp từ báo cáo tài chính của Chi nhánh, báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trên cơ sở đó tiến hành tổng hợp các thông tin cần thiết phục vụ cho công tác nghiên cứu. Sau đó áp dụng các phương pháp so sánh, phân tổ thống kê, phân tích thống kê [5] từ đó đưa ra nhận định phù hợp đối với việc sử dụng vốn của Chi nhánh.

Các chỉ tiêu phân tích

Các chỉ tiêu phân tích hiệu quả sử dụng vốn cố định (VCĐ)

Hiệu quả sử dụng vốn cố định

Chỉ tiêu này cho biết một đơn vị vốn cố định bình quân trong kỳ đem lại bao nhiêu đơn vị doanh thu thuần [4].

* Tel:

Bảng 1. Kết quả sản xuất kinh doanh Chi nhánh máy Việt Đức giai đoạn 2012 – 2014

(ĐVT: Triệu Đ)

STT	Chỉ tiêu	2012	2013	2014
1	Doanh thu thuần	134.357,8	131.143,9	152.964,1
2	Lợi nhuận trước thuế	2.607,2	1.910,1	7.211,7
3	Nộp NSNN	182,5	348,2	1.295,5
4	Lợi nhuận sau thuế	2.424,7	1.561,9	5.916,2
5	Tỷ lệ LN trả cổ tức	98,43%	95,76%	97,64%

(Nguồn: BCKQKD Chi nhánh máy Việt Đức)

$$H_{VCD} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Vốn cố định}}$$

Hệ số đảm nhiệm vốn cố định

Chỉ tiêu này cho biết để tạo ra một đơn vị doanh thu cần sử dụng bao nhiêu đơn vị vốn cố định. Chỉ tiêu này càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn cố định càng cao [4].

$$\text{Hệ số đảm nhiệm VCD} = \frac{\text{VCD bình quân trong kỳ}}{\text{Doanh thu thuần}}$$

Hệ số sinh lời của Tài sản cố định (TSCĐ)

Chỉ tiêu này cho biết cứ một đồng nguyên giá trị tài sản cố định dùng trong sản xuất tạo ra mấy đồng lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng lớn càng tốt.

$$\text{Hệ số sinh lời của TSCĐ} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{VCD bình quân trong kỳ}}$$

Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động (VLD)**Tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận VLD} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{VLD bình quân trong kỳ}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh khả năng sinh lời của vốn lưu động. theo đó chỉ tiêu này càng cao cho biết doanh nghiệp đã sử dụng vốn lưu động có hiệu quả và ngược lại.

Số vòng quay vốn lưu động trong kỳ

$$\text{Số vòng quay VLD} = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Số VLD bình quân}}$$

Chỉ tiêu này đánh giá tốc độ luân chuyển của vốn tức là cho biết vốn lưu động quay được mấy vòng trong kỳ. Số vòng quay càng lớn thì hiệu quả sử dụng vốn càng cao.

Số ngày một vòng quay vốn lưu động (số ngày luân chuyển)

Thời gian của một kỳ luân chuyển gọi là tốc độ chu chuyển, phản ánh trình độ quản lý và sử dụng vốn. Vòng quay của vốn càng nhanh thì kỳ luân chuyển vốn càng được rút ngắn và chứng tỏ vốn lưu động càng được sử dụng có hiệu quả.

$$\text{Số ngày 1 vòng quay VLD} = \frac{360 \text{ ngày}}{\text{Số vòng quay VLD}}$$

Hệ số đảm nhận vốn lưu động

Chỉ tiêu này cho biết để có một đồng luân chuyển thì cần mấy đồng vốn lưu động. Hệ số này càng nhỏ chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn càng cao, số vốn tiết kiệm càng nhiều.

$$\text{Hệ số đảm nhận VLD} = \frac{\text{VLD bình quân}}{\text{Tổng doanh thu thuần}}$$

Các chỉ tiêu phân tích tài chính**Khả năng sinh lời**

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên DTT} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng DTT}} * 100\%$$

Chỉ tiêu này thể hiện mối quan hệ giữa các chỉ tiêu kết quả của doanh nghiệp. Nó cho ta biết được trong 100 đồng doanh thu thuần (DTT) về thì có bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế.

Giá trị của chỉ tiêu này càng lớn chứng tỏ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp càng cao [3].

Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)

$$\text{Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}} * 100\%$$

Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 đồng tài sản đầu tư tại doanh nghiệp sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế. Chỉ tiêu này thấp thì khả năng sinh lời của tài sản nhỏ và ngược lại [3].

Tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu (ROE)

$$\text{ROE} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu bình quân}} * 100\%$$

Bảng 2: Cơ cấu nguồn vốn của chi nhánh may Việt Đức

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Số tiền (Trđ)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Trđ)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (Trđ)	Tỷ lệ (%)
Tổng	105.698	100	106.796	100	132.603	100
I. Vốn chủ sở hữu	23.669	22,39	23.503	22,01	29.119	21,96
1. Vốn điều lệ	14.957	14,15	14.957	14,01	16.445	12,40
2. Thặng dư vốn cổ phần	3.323	3,14	3.323	3,11	3.323	2,51
3. Vốn khác của CSH	6	0,01	6	0,01	6	0,00
4. Quỹ đầu tư phát triển	1.894	1,79	2.017	1,89	2.136	1,61
5. Quỹ dự phòng tài chính	649	0,61	709	0,66	968	0,73
6. Quỹ khác thuộc VCSH	481	0,46	604	0,57	603	0,45
7. LNST chưa phân phối	2.359	2,23	1.887	1,77	5.638	4,25
II. Nợ phải trả	82.029	77,61	83.293	77,99	103.484	78,04
1. Nợ ngắn hạn	63.154	59,75	62.788	58,79	82.632	62,32
2. Vay và nợ dài hạn	18.875	17,86	20.505	19,20	20.852	15,73

(Nguồn: Phòng Tài chính – kế toán)

Chỉ tiêu này cho biết trong 100 đồng vốn mà chủ sở hữu bỏ ra thì mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế [3].

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**Khái quát chung về nguồn hình thành vốn của Chi nhánh**

Chi nhánh may Việt Đức là một trong những chi nhánh có lượng vốn đầu tư lớn nhất của Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG, nguồn vốn tự có chỉ chiếm hơn 20% tổng vốn, phần còn lại là nguồn vốn vay và nợ đọng trong hàng hóa. Hàng năm, nguồn vốn có sự biến động tăng nhưng nguồn vốn chủ sở hữu luôn dao động trong khoảng 22% điều này cho thấy khả năng làm chủ nguồn vốn của Chi nhánh còn yếu. Tuy nhiên, nợ ngắn

hạn chủ yếu là nợ trong mua nguyên vật liệu nên không đáng lo ngại, sau khi Chi nhánh xuất hàng sẽ nhận thanh toán từ đối tác và có thể trả cho các nhà phân phối. Hơn nữa, lượng vốn vay từ ngân hàng của Chi nhánh chiếm khoảng 20% dùng để mua máy móc phục vụ sản xuất. Việc đầu tư này là đúng mục đích nên nguồn vốn của Chi nhánh sẽ giúp nâng cao chất lượng và giá trị hàng hóa sản xuất [1].

Hiệu quả sử dụng vốn cố định của Chi nhánh giai đoạn 2012 - 2014

Sử dụng các chỉ tiêu phân tích đã trình bày phân trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập các số liệu sản xuất kinh doanh của Chi nhánh trong 3 năm và tiến hành tính toán, phân tích các kết quả tại bảng 3 như sau:

Bảng 3: Hiệu quả sử dụng vốn cố định của Chi nhánh

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu thuần	134357,8	131143,9	152964,1
2	TSCĐ bình quân	54.223	59.217	71.252
3	Hiệu quả sử dụng VCFĐ (1/2)	2,48	2,21	2,15
4	Hệ số đảm nhiệm VCFĐ (2/1)	0,40	0,45	0,47

(Nguồn: BCTC chi nhánh máy Việt Đức)

Bảng 4: Hệ số sinh lời TSCĐ

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Lợi nhuận sau thuế	2424,7	1561,9	5916,2
2	TSCĐ	54.223	59.217	71.252
3	Hệ số sinh lời của TSCĐ	0,04	0,03	0,08

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Bảng 5. Hiệu quả sử dụng VLD của chi nhánh máy Việt Đức

(ĐVT: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu thuần	134357,8	131143,9	152964,1
2	VLD bình quân sử dụng trong kỳ	49.363	45.663	59.312
3	Lợi nhuận sau thuế	2424,7	1561,9	5916,2
4	Tỷ suất lợi nhuận VLD (3/2)	0,049	0,034	0,099
5	Hệ số đảm nhiệm VLD (2/1)	0,37	0,35	0,39
6	Hệ số vòng quay VLD (1/2)	2,72	2,87	2,58
7	Số ngày luân chuyển của một vòng quay VLD	132	125	140

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Năm 2013 hiệu quả sử dụng VCFĐ của chi nhánh giảm 0,12 lần so với năm 2012, trong khi đó doanh thu thuần giảm 0,02 lần còn TSCĐ tăng 0,09 lần. Trong năm 2014 mặc dù doanh thu tăng, nhưng hiệu quả sử dụng VCFĐ tiếp tục giảm xuống 0,03 lần. Mặc dù, chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm VCFĐ của chi nhánh có xu hướng tăng dần qua các năm nhưng với biên độ khá chậm. Điều này cho thấy, trong giai đoạn 2012 – 2014, chi nhánh chưa thực sự có những cố gắng trong việc sử dụng VCFĐ. Đây là một hạn chế và điểm yếu, công ty cần có biện pháp khắc phục sớm để việc sử dụng VCFĐ đạt hiệu quả hơn.

Từ những kết quả trên cho thấy hiệu quả sử dụng vốn cố định của chi nhánh từ năm 2012 – 2014 chưa được ổn định và có chiều hướng giảm, sự biến động này ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Mặc dù hoạt động của đơn vị được mở rộng song đơn vị chưa chú trọng đến hiệu quả sử dụng VCFĐ cũng như chưa có giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng VCFĐ của mình.

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Chi nhánh giai đoạn 2012 - 2014

Để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, nhóm tác giả đã tiến hành phân tích, tính toán dưới bảng 5. Nhìn chung, trong 3 năm qua hiệu quả sử dụng vốn lưu động của chi nhánh đã đạt được những hiệu quả nhất định đặc biệt trong năm 2013 Chi nhánh đã sử dụng khá tốt nguồn vốn lưu động trong quá trình sản xuất kinh doanh. Mặc dù vậy, Chi nhánh đã không đạt được kết quả tốt hơn trong năm 2014 thậm chí còn bị giảm sút nên tỷ suất lợi nhuận vốn lưu động thấp khiến cho vốn lưu động của Chi nhánh luân chuyển còn chậm gây khó khăn cho quá trình sản xuất kinh doanh.

Hiệu quả chỉ tiêu tài chính khác

Khả năng sinh lời

Trong giai đoạn 2012 – 2014 tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu có một số biến động. Đặc biệt lợi nhuận sau thuế 2014 đạt 7211,7 tăng 3,8 lần so với năm 2013. Qua đó, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần của chi nhánh ngày càng được cải thiện. Năm 2014 chỉ tiêu đạt mức cao và Chi nhánh cần phát huy, duy trì tỷ lệ này trong các năm tiếp theo.

Bảng 6: Khả năng sinh lời của chi nhánh

STT	Chỉ tiêu	(ĐVT: Triệu đồng)		
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Lợi nhuận sau thuế	2424,7	1561,9	5916,2
2	Tổng doanh thu thuần	134.357,80	131.143,90	152.964,10
3	Tỷ suất LN/DTT (%)	1,80	1,19	3,87

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Bảng 7: Sức sinh lợi của tài sản (ROA)

STT	Chỉ tiêu	(ĐVT: triệu đồng)		
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Lợi nhuận trước thuế	2.607,2	1.910,1	7.211,7
2	Tài sản bình quân	105.698	106.796	132.603
3	Tỷ suất sinh lợi của tài sản ROA	2,47	1,79	5,44

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Bảng 8: Khả năng sinh lời vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	(ĐVT: triệu đồng)		
		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Lợi nhuận sau thuế	2.424,70	1.561,90	5.916,20
2	Vốn chủ sở hữu bình quân	23.669	23.503	29.119
3	Khả năng sinh lời VCSH	10,24	6,65	20,32

(Nguồn: Tính toán của tác giả)

Tỷ suất sinh lợi của tài sản

Năm 2012 cứ 100 triệu đồng tài sản bình quân sử dụng vào kinh doanh của công ty tạo ra được 2,47 triệu đồng lợi nhuận sau thuế. Năm 2013 chỉ tiêu sức sinh lợi của chi nhánh giảm 0,68% so với năm 2012 và chỉ đạt 1,79%. Nhưng đến năm 2014, chỉ tiêu này lại tăng lên đạt 5,44%. Nguyên nhân của việc chỉ tiêu sức sinh lợi tăng trở lại trong năm 2014 là do lợi nhuận sau thuế của chi nhánh tăng. Chi nhánh đã tập trung đầu tư vào máy móc thiết bị, đổi mới trong công tác quản trị. Những chính sách này giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, tạo uy tín với khách hàng làm cho lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể.

Tỷ suất sinh lợi của vốn chủ sở hữu

Năm 2012, ROE đạt 10,24% cứ 100 triệu đồng vốn chủ sở hữu bình quân tạo ra được 10,24 triệu đồng lợi nhuận. Năm 2013, tỷ suất ROE giảm 3,59% đến năm 2014 tỷ suất ROE tăng trở lại đạt 20,32%. Ta thấy rằng qua tỷ suất lợi nhuận trên VCSH của chi nhánh cho thấy lợi nhuận tạo ra từ vốn chủ sở hữu cũng chưa đạt hiệu quả cao, để tăng thêm lợi nhuận sau thuế thì công ty cần xem xét kỹ hơn về các quyết định về quản lý cũng như các chính sách tiêu thụ, sản xuất và chính sách tài chính.

Nguyên nhân

Thứ nhất: do sự gia tăng liên tục với tốc độ cao của giá trị hàng tồn kho. Bên cạnh đó, việc thẩm định khả năng trả nợ của khách hàng chưa được Chi nhánh tiến hành chặt chẽ. Về nguyên liệu tồn kho: nguyên liệu tồn kho tăng lên trong thời gian qua với tốc độ khá nhanh. Điều này làm giảm hiệu suất sử dụng vốn tại Chi nhánh làm lãng phí vốn. Thời gian tới công ty nên tìm biện pháp nhằm giảm thiểu nguyên liệu tồn kho góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thứ hai: việc bố trí cơ cấu vốn của Chi nhánh chưa phù hợp. Chủ yếu là vốn lưu động, còn vốn cố định chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng vốn.

Thứ ba: chi phí quản lý của Chi nhánh còn cao làm đẩy giá thành sản phẩm tăng lên. Việc quản lý các phân xưởng chưa chặt chẽ, gây ra thất thoát nguyên vật liệu, bớt xén giá trị của sản phẩm làm suy giảm chất lượng sản phẩm.

Thứ tư: do tình trạng thiếu vốn, Chi nhánh phải đi vay ngắn hạn ngân hàng để tài trợ cho kinh doanh của mình dẫn đến mất một khoản tiền lãi khá lớn, nó làm giảm lợi nhuận của Chi nhánh.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN CỦA CHI NHÁNH THỜI GIAN TỐI

Trong quá trình nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy để Chi nhánh sử dụng hiệu quả hơn nguồn vốn kinh doanh của mình cần phải có sự đổi mới từ việc sử dụng nguyên vật liệu, nguồn nhân lực đến các nguồn vốn cấu thành của Chi nhánh. Để có góc nhìn xuyên suốt từ phân phân tích trên, nhóm tác giả xin đưa hai nhóm giải pháp chính phù hợp với nội dung trình bày như sau:

Nhóm giải pháp liên quan tới nguồn vốn cố định *Nâng cấp và đổi mới TSCĐ trong thời gian tới*

Đây là vấn đề chiến lược, lâu dài mà công ty cần có phương hướng đầu tư đúng đắn, tuy nhiên cần phải xem xét hiệu quả của hoạt động đầu tư mang lại, công ty mua sắm tài sản cố định phải dựa trên khả năng hiện có của mình vào lao động, khả năng tiêu thụ về sản phẩm, nghiên cứu kỹ lưỡng các tài sản cố định đầu tư về mặt tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nhằm tạo ra sức mạnh cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Quản lý chặt chẽ TSCĐ

Để thực hiện tốt công tác trên, công ty cần phải tiến hành quản lý chặt chẽ TSCĐ của mình bằng các hình thức dưới đây:

Thứ nhất: Tiến hành mở sổ kế toán theo dõi chính xác toàn bộ TSCĐ hiện có, phản ánh trung thực, kịp thời tình hình sử dụng, biến động của tài sản trong quá trình hoạt động

Thứ hai: Tiến hành kiểm kê lại tài sản cố định theo đúng định kỳ để kịp thời đưa ra những giải pháp cụ thể với những tình huống phát sinh.

Thứ ba: Tiến hành phân cấp quản lý tài sản cố định cho các bộ phận trong nội bộ Chi nhánh, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn đồng thời kiểm kê, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản cố định trong năm.

Nhóm giải pháp liên quan tới nguồn vốn lưu động

Chủ động xây dựng kế hoạch huy động vốn sản xuất kinh doanh

Để đảm bảo tổ chức và sử dụng vốn một cách có hiệu quả, khi lập kế hoạch huy động và sử dụng vốn cần chú trọng tới một số vấn đề sau:

Xác định một cách chính xác nhu cầu vốn tối thiểu cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Từ đó, có biện pháp tổ chức và huy động nhằm cung ứng vốn một cách đầy đủ, kịp thời.

Xây dựng kế hoạch huy động bao gồm việc lựa chọn nguồn tài trợ tích cực nhất, xác định khả năng vốn có, hiệu quả của doanh nghiệp, với chi phí sử dụng vốn thấp nhất, hạn chế tối đa rủi ro xảy ra và tạo cho công ty có cơ cấu vốn linh hoạt [4].

Giải pháp về các khoản phải thu

Với những khách hàng mua lẻ với khối lượng nhỏ, công ty tiếp tục thực hiện chính sách "mua đứt bán đoạn", không để nợ hoặc chỉ cung cấp chiết khấu ở mức thấp.

- Với những khách hàng lớn, trước khi ký hợp đồng công ty cần phân loại khách hàng, tìm hiểu kỹ về khả năng thanh toán của họ. Hợp đồng luôn phải quy định chặt chẽ về thời gian, phương thức thanh toán và hình thức phạt khi vi phạm hợp đồng.

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản nợ, tiến hành sắp xếp các khoản phải thu theo thời gian.

Quản lý chặt chẽ hàng tồn kho

Trong ngắn hạn: có thể giải phóng bớt hàng tồn kho này bằng cách điều chuyển nguyên vật liệu tồn đọng đến các chi nhánh đang có nhu cầu về nguyên vật liệu. Kí gửi tất cả hàng tồn kho là thành phẩm đến các đại lý trung gian ở các chợ đầu mối và các trung tâm thương mại lớn và lấy trước phần tiền đặt cọc hoặc tiến hành bán với giá thấp hơn giá thị trường nhưng đảm bảo hòa vốn để thu hồi vốn nhằm tái đầu tư.

Trong dài hạn, Chi nhánh cần nghiên cứu để đưa ra chiến lược rõ ràng để tránh tình trạng hàng tồn kho như: chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã; Cần có kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu và kế hoạch sản xuất đồng bộ, thống nhất...

Thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của công ty

Việc thường xuyên đánh giá hiệu quả sử dụng vốn sẽ giúp cho chi nhánh có được cái nhìn

tổng quan về nguồn vốn cũng như nắm bắt kịp thời tình hình tài chính của mình, từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và có hiệu quả để khắc phục những khó khăn còn tồn đọng, phát huy được mặt tích cực. Tránh việc đánh giá mang tính hình thức mà đòi hỏi số liệu báo cáo phải chính xác, đầy đủ, trung thực, khách quan [2].

KẾT LUẬN

Trong giai đoạn 2012 – 2104, Chi nhánh may Việt Đức đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc sử dụng vốn của mình như: khả năng sinh lời tăng đều, hiệu quả Sử dụng vốn lưu động có những chuyển biến tích cực đặc biệt năm 2014... song bên cạnh đó vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục như: hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao, cơ cấu vốn của Chi nhánh chưa phù hợp do đó làm lợi nhuận

của Chi nhánh không đạt được như dự đoán. Vì vậy, nhóm tác giả đã đưa ra một số giải pháp đối với từng loại vốn cụ thể để giúp Chi nhánh có sự lựa chọn phù hợp nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của mình trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tài chính Chi nhánh may Việt Đức 2012, 2013, 2014.
2. Nguyễn Bạch Nguyệt, TS Từ Quang Phương (2002), *Giáo trình Kinh tế Đầu tư*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Tài (2009), *Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
4. Đoàn Quang Thiệu (2009), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, Nxb Tài chính.
5. Bùi Đức Triệu (2010), *Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

SUMMARY

IMPROVING CAPITAL EFFECTIVENESS IN VIET DUC GARMENT BRANCH - TNG INVESTMENT AND TRADING JSC

Nguyen Thu Thủy*, Vu Viet Linh, Nguyen Thi Hieu
College of Economics and Business Administration - TNU

The capital factor is more important in the Modern Economy. Capital is one of the key factors to determiner the production capacity of enterprise, to establish enterprise level in the marketshare.. Businesses not only invest to changing technologies, but also improve capital effectiveness. In this study, authors researched the capital effectiveness in Viet Duc garment branch, and pointed out advantages and disadvantages of this business. This study proposed a number of suitable solutions for the operation.

Key word: Viet Duc garment branch, garment company, capital, capital effectiveness, TNG investment and trading jsc.

Ngày nhận bài: 25/3/2016; Ngày phản biện: 08/4/2016, Ngày duyệt đăng: 15/6/2016

Phân biên khoa học: TS. Đinh Hồng Linh – Trường Đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh - ĐHTN

* Tel: